



**CÔNG TY CP XÂY LẬP – CƠ KHÍ VÀ LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM (MECOFOOD)  
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)*



*Long An, ngày 04 tháng 02 năm 2015*



# MỤC LỤC

|   |           |
|---|-----------|
| <b>I. Thông tin chung</b> .....   | <b>1</b>  |
| 1.1. Thông tin khái quát .....  | 1         |
| 1.2. Quá trình hình thành và phát triển.....  | 1         |
| <b>1.2.1. Những sự kiện quan trọng:</b> .....                                       | <b>1</b>  |
| 1.3. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh : .....                               | 2         |
| <b>1.3.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:</b> .....                              | <b>2</b>  |
| 1.4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....       | 4         |
| <b>1.4.1. Mô hình quản trị:</b> .....   | <b>4</b>  |
| <b>1.4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý</b> .....   | <b>4</b>  |
| 1.5. Định hướng phát triển.....   | 5         |
| 1.6. Các rủi ro .....   | 6         |
| <b>II Tình hình hoạt động trong năm</b> .....                                       | <b>7</b>  |
| 2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2014: .....                            | 7         |
| 2.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014.....                    | 7         |
| <b>2.2.1. Mặt hàng lương thực:</b> .....  | <b>8</b>  |
| <b>2.2.2. Mặt hàng bao bì – mỹ nghệ:</b> .....                                      | <b>9</b>  |
| <b>2.2.3. Mặt hàng Cơ khí Bê tông – VLXD:</b> .....                                 | <b>9</b>  |
| 2.3. Tổ chức và nhân sự.....  | 10        |
| <b>2.3.1. Cơ cấu tổ chức Công ty</b> .....  | <b>10</b> |
| <b>2.3.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên trong ban điều hành:</b> .....         | <b>10</b> |
| <b>2.3.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động</b> ..... | <b>11</b> |
| 2.4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: .....                         | 11        |
| 2.5. Tình hình tài chính: .....   | 12        |
| 2.6. Cơ cấu cổ đông .....   | 12        |
| 2.7. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn .....                       | 12        |
| <b>2.7.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước</b> .....                           | <b>12</b> |
| <b>2.7.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập</b> .....                             | <b>13</b> |
| <b>III. Báo cáo đánh giá của Ban điều hành</b> .....                                | <b>13</b> |
| 3.1. Đặc điểm tình hình: .....  | 13        |
| 3.2. Kế hoạch và biện pháp thực hiện của Công ty trong năm 2015 .....               | 14        |
| 3.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....                                       | 16        |
| <b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty</b> .....            | <b>16</b> |
| 4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty: .....         | 16        |
| 4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc: .....       | 17        |
| <b>V. Quản trị Công ty</b> .....  | <b>17</b> |
| 5.1. Hội đồng quản trị .....  | 17        |
| <b>5.1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT</b> .....                                    | <b>17</b> |
| <b>5.1.2. Các cuộc họp của HĐQT</b> .....   | <b>18</b> |
| <b>5.1.3. Hoạt động của HĐQT:</b> .....   | <b>18</b> |
| 5.2. Ban kiểm soát.....   | 19        |
| <b>5.2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:</b> .....                             | <b>19</b> |
| <b>5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát</b> .....                                     | <b>19</b> |
| 5.3. Thù lao và các khoản lợi ích khác cho HĐQT/Kiểm soát viên. ....                | 20        |



|  |           |
|--|-----------|
| 5.3.1. Thù lao Hội đồng quản trị (người/tháng):..... | 20        |
| 5.3.2. Giao dịch của cổ đông nội bộ:.....            | 20        |
| <b>VI. Báo cáo tài chính.....</b>                    | <b>20</b> |
| 6.1. Kiểm toán độc lập.....                          | 21        |
| 6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán .....        | 21        |
| 6.3. Kiểm toán nội bộ .....                          | 25        |
| <b>VII. Những thông tin khác. ....</b>               | <b>26</b> |

11  
C  
C  
ẢY L  
Ả L  
TH  
TVA



## I. Thông tin chung

### 1.1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty CP Xây Lắp – Cơ khí và Lương thực thực phẩm.
- Tên tiếng Anh: Mechanics Contruction and Foodstuff Joint –Stock Company
- Tên viết tắt: MECOFOOD
- Giấy CNĐKKD số: 1100664038 do Sở kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2005 thay đổi lần thứ 11 ngày 04 tháng 04 năm 2013.
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Địa chỉ; Số 29 Nguyễn Thị Bảy, Phường 6, TP Tân an, tỉnh Long an.
- Số điện thoại: 0723.521166
- Số Fax: 0723.820509
- Email: [info@mecofood.com.vn](mailto:info@mecofood.com.vn)
- Website: [www.mecofood.com.vn](http://www.mecofood.com.vn)
- Mã cổ phiếu: MCF

### 1.2. Quá trình hình thành và phát triển

#### 1.2.1. Những sự kiện quan trọng:

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ/TW ngày 24/9/2001 của BCHTW khóa IX về chủ trương tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 2/4/2004 Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam đã có quyết định số 54A/QĐ.HĐQT xóa tên và thực hiện sáp nhập một số đơn vị trực thuộc Công ty Lương Thực Long An vào xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí Nông Nghiệp, bao gồm: Xí nghiệp Chế biến Gạo Đặc Sản, Xí nghiệp Đầu tư Hạ tầng kinh doanh Địa ốc, Trạm thu mua chế biến Lương thực Bình Tịnh và Đội Vận Tải để tiến hành xây dựng phương án cổ phần hóa.

Ngày 09/12/2004 Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và phát triển Nông thôn đã ra quyết định số 4438/QĐ/BNN-TCCB về việc chuyển bộ phận Doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp Xây lắp Cơ khí Nông nghiệp thành Công ty cổ phần với tên gọi đầy đủ là Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm, viết tắt là MECOFOOD.

Ngày 3/2/2005 đơn vị tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp giấy phép kinh doanh số 5003000092 vào ngày 18/02/2005 và Công ty chính thức đi vào hoạt động từ 01/3/2005 với số vốn điều lệ ban đầu là 10.000.000.000 đồng.

Đến ngày 16 tháng 04 năm 2009 Đại hội cổ đông bất thường Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã biểu quyết thống nhất việc sáp nhập Công ty CP Nông Sản và Bao Bì Long An vào Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm và tăng vốn điều lệ lên 27.163.400.000 đồng.

Năm 2011, Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm hoạt động với vốn điều lệ là 35.000.000.000 đồng.

006  
ĐNG  
PH  
ÁP  
ĐNG  
C PH  
T



Cổ phiếu của Công ty CP Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm đã được giao dịch trên sàn chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 14/02/2011 với mã chứng khoán là MCF.

Ngày 11/11/2011, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua Nghị quyết số 19/NQ-ĐHĐCĐ.MCF V/v Phê duyệt phương án tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ lên 80 tỷ đồng để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh và điều chỉnh kế hoạch lợi nhuận từ 15 tỷ lên 16,5 tỷ đồng, chia cổ tức từ 24% trở lên trong đó chia cổ tức bằng cổ phiếu là 22%.

### **1.3. Ngành nghề kinh doanh địa bàn kinh doanh :**

#### **1.3.1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:**

+ Sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu và tiêu thụ nội địa các mặt hàng về lương thực, thực phẩm, nông sản, bao bì các loại, hàng mỹ nghệ từ cây lúa non và rơm sấy;

+ Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc thiết bị chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản và sản phẩm cơ khí;

+ Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá thủy, bộ;

+ Tư vấn, thiết kế, sản xuất và thi công xây lắp về lĩnh vực cơ khí, điện và xây dựng ;

+ Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản và đầu tư hạ tầng.

- Tình hình hoạt động: Theo đánh giá của Chính phủ, năm 2014 tình hình kinh tế trong nước có nhiều chuyển biến tích cực trên hầu hết các lĩnh vực, tăng trưởng kinh tế khá, tỷ lệ lạm phát thấp nhưng đối với sản phẩm ngành nông nghiệp vẫn còn hết sức khó khăn do lượng cung lớn hơn cầu, tạo nên sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước tham gia xuất khẩu, đặc biệt là Thái Lan dẫn đầu về xuất khẩu gạo trong năm với lợi thế gạo cũ tồn kho, giá rẻ, cung cấp cho các thị trường Philippines, Indonesia, Trung Quốc và Châu phi, đã tác động lớn đến xuất khẩu lương thực của Việt Nam. Tuy nhiên trong quá trình triển khai thực hiện, Ban lãnh đạo Công ty đã đánh giá tương đối chính xác những thuận lợi và khó khăn của thị trường trong từng thời điểm từ đó chủ động xây dựng các phương án kinh doanh và có những giải pháp phù hợp nhằm vượt qua khó khăn thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

+ Đối với mặt hàng Lương thực: Thị trường thế giới giao dịch trầm lắng, nguồn cung dư thừa, nhu cầu giảm mạnh. Hiệu quả từ xuất khẩu lương thực năm 2014 của Công ty chủ yếu là nhóm gạo thơm. Thị trường tiêu thụ trong nước tương đối ổn định vì Công ty đã có hệ thống khách hàng trong nhiều năm qua, tuy nhiên ngày càng nhiều đơn vị tham gia vào thị trường này nên thị phần Công ty cũng bị cạnh tranh rất lớn. Mặc dù tiêu thụ lương thực năm 2014 gặp rất nhiều khó khăn và chịu sự cạnh tranh quyết liệt cả 2 thị trường xuất khẩu và nội địa, nhưng công ty cũng đã nỗ lực vượt qua và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra.

+ Đối với mặt hàng cơ khí: Khi triển khai thực hiện các hợp đồng, tính toán kỹ kế hoạch, nhất là khâu gia công thiết bị và điều phối lao động để đáp ứng tiến độ công trình theo đúng thỏa thuận với khách hàng.

TY  
AN  
CO  
THI  
M  
/C



- + Mặt hàng bao bì: Đầu tư máy kéo sợi, máy in, nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và giảm tỷ lệ bao hư hỏng, tích cực tiếp thị để tiêu thụ bao bì dùng trong thị trường xuất khẩu và nội địa.
- + Mặt hàng Mỹ nghệ: Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời. Quan tâm chú trọng đến việc quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.
- + Mặt hàng bê tông – VLXD: Đầu tư tài sản cố định như máy bơm, xe trộn bê tông. Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ Bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty.
- Quyết tâm đạt mức doanh thu và lợi nhuận cao, với mức tăng trưởng hàng năm vào khoảng từ 5 -10% và vẫn phải duy trì các ngành hàng chính của Công ty.
- Thực hiện, duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP đối với lương thực nội địa.
- Luôn hướng mọi nguồn lực tập trung cho việc thỏa mãn các yêu cầu hợp lý của khách hàng, trong hiện tại và tương lai, thường xuyên hoàn thiện và đổi mới để chất lượng và dịch vụ không ngừng nâng cao.
- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh, ổn định trong xu thế vận động và phát triển.
- Quản lý tốt nguồn vốn, hạn chế vốn tồn đọng trong quá trình đầu tư, trong công nợ, trong nguyên vật liệu tồn kho..., đặc biệt thực hiện tốt thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu điều hành kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2014.
- Tích cực tìm nguồn vốn tài trợ với chi phí thấp.
- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, luôn xem nguồn nhân lực là tài sản vô giá, là yếu tố then chốt đã mang lại thành công cho Công ty, luôn chú trọng đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực của mình, cải thiện điều kiện môi trường làm việc của người lao động. Công ty sẽ có những chính sách hỗ trợ nhân viên nâng cao trình độ thông qua việc gửi nhân viên tham gia các khoá đào tạo nghiệp vụ bên ngoài cũng như mời các chuyên gia đầu ngành đến Công ty đào tạo các lớp ngắn và dài hạn. Duy trì thường xuyên việc làm để đảm bảo thu nhập và đời sống của người lao động ngày được nâng lên.
- Công ty luôn cam kết và bảo đảm cung cấp các điều kiện cần thiết và tương xứng xứng đáng để nhân viên phát huy tối đa năng lực của mình.

### **1.3.2. Địa bàn kinh doanh của Công ty**

- Địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu trong tỉnh Long An và TP . HCM

## **1.4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

### **1.4.1. Mô hình quản trị**

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc công ty, các Phó Tổng giám đốc và kế toán trưởng.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty, đứng đầu là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan đưa ra những định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, quyết định bộ máy điều hành của công ty bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng. Hội đồng quản trị hiện nay có 1/5 thành viên hoạt động không điều hành.

Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành mọi hoạt động trong công ty, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của công ty và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

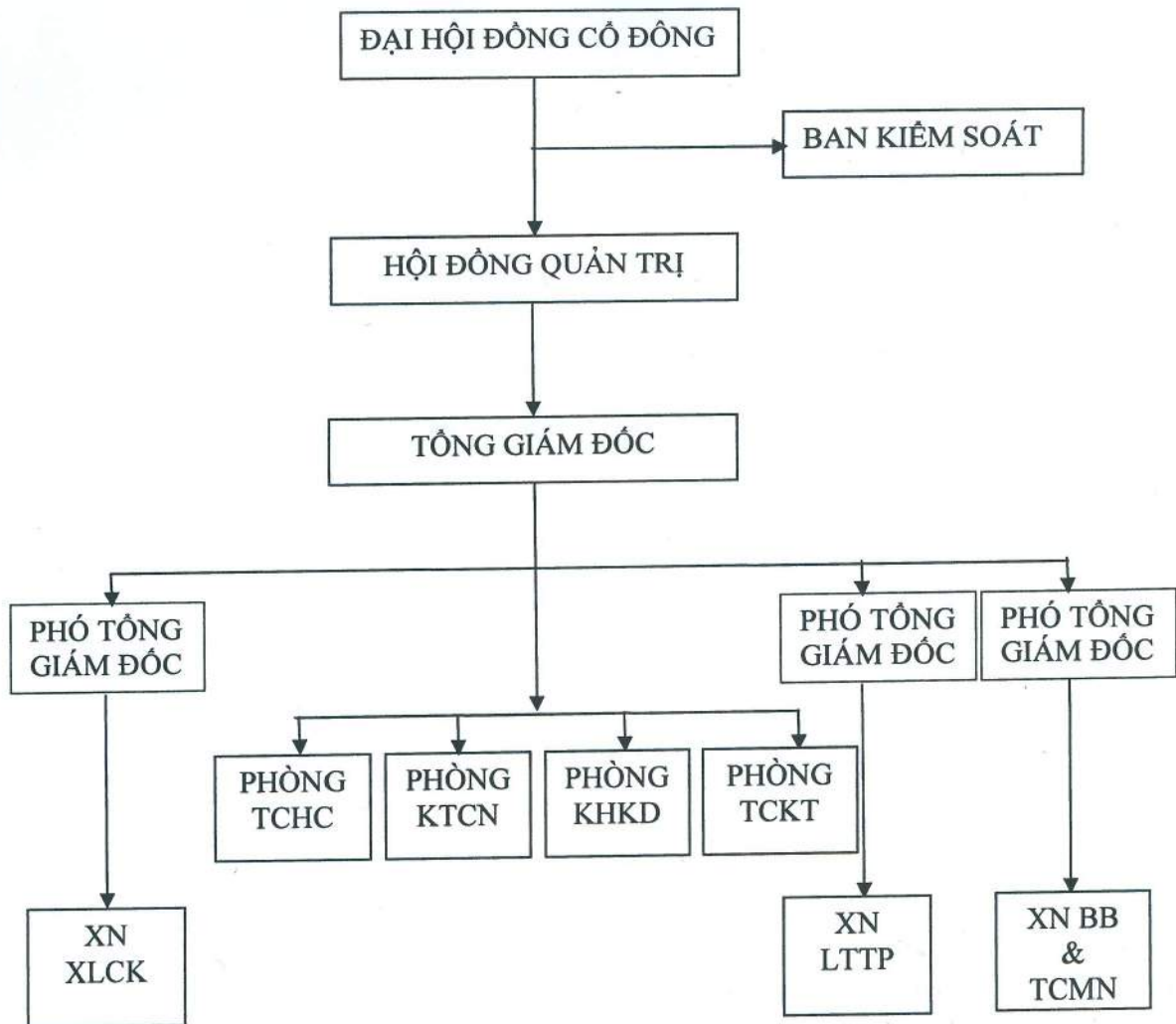
Các Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc trong quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các nhiệm vụ được phân công.

Kế toán trưởng là người tham mưu cho Tổng giám đốc về công tác quản lý tài chính kế toán tại Công ty, chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về các vấn đề có liên quan đến công tác tài chính kế toán, quyết toán tài chính, thuế và tình hình thực hiện chế độ quản lý tài chính của công ty và các đơn vị trực thuộc.

### **1.4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý**







### 1.5. Định hướng phát triển

Tăng cường quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình thu mua dự trữ, sản xuất chế biến, cũng như quá trình tiêu thụ sản phẩm nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Sử dụng vốn đảm bảo an toàn và đúng mục đích theo đúng quy chế và quy định của pháp luật, tăng cường công tác kiểm tra việc chi tiêu theo quy chế tài chính của Công ty.

Tăng cường tiếp thị khai thác khách hàng để tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty, củng cố thị trường gạo nội địa, đẩy mạnh xuất khẩu gạo trực tiếp, mở rộng thị trường gạo đặc sản, gạo cao cấp, tổ chức thu mua lúa, gạo khi vào vụ với chất lượng và giá tốt nhất, nâng cao hiệu quả công tác thông tin dự báo thị trường.

Thực hiện tốt liên kết sản xuất cánh đồng lớn, liên kết với doanh nghiệp cung ứng, hợp tác xã, thương lái và doanh nghiệp sơ chế để phục vụ công tác thu mua lúa, gạo theo phương án năm 2015 và phương án 2015-2020 đã xây dựng, nhằm đảm bảo chất lượng và ổn định nguồn nguyên liệu, tạo uy tín cho chất lượng hạt gạo Việt Nam cũng như thương hiệu của Công ty.



Tiếp tục cải tiến mẫu mã và năng suất thiết bị các sản phẩm cơ khí, đáp ứng tốt yêu cầu của khách hàng. Tích cực khai thác khách hàng tiêu thụ Bê tông tươi và vật liệu xây dựng để tăng sản lượng và thị phần tiêu thụ tương ứng với năng lực thiết bị hiện có của Công ty. Chú trọng lao động kỹ thuật có trình độ tay nghề và sắp xếp hợp lý lao động phổ thông trong các tổ đội sản xuất.

Tập trung quản lý chất lượng sản phẩm bao bì, hạn chế tối đa sản phẩm hỏng và phế phẩm, tăng thu hồi; tích cực tiếp thị để tiêu thụ sản phẩm trong thị trường nội địa lẫn xuất khẩu. Chú trọng đào tạo tay nghề, thu tuyển công nhân mỹ nghệ để đảm bảo đủ năng lực sản xuất giao hàng kịp thời, quan tâm quản lý chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất và bảo quản.

Quan tâm công tác phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, chú trọng công tác an toàn lao động, vệ sinh thực phẩm và vệ sinh công nghiệp.

Phối kết hợp giữa các tổ chức đoàn thể chính trị trong công ty thực hiện thường xuyên các đợt thi đua trong sản xuất và phong trào thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tập trung sức mạnh và trí tuệ tập thể để phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch đề ra.

## 1.6. Các rủi ro

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của giá thị trường.

- Rủi ro thị trường đối với hoạt động của công ty bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

- Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

- Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

- Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty có rủi ro về giá nguyên vật liệu như gạo, hạt nhựa, cát, đá, xi măng sắt thép các loại. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý tốt về giá.

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh chủ yếu các khoản phải thu khách hàng và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khác hàng: Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước đối với các

JOE  
ON  
OP  
LAF  
JCI  
UC  
AN



đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

-Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc ngân hàng nhà nước thắt chặt tiền tệ, cụ thể như tăng lãi suất cho vay, hạn chế tín dụng, làm cho khách hàng của công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ thanh toán cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

## II Tình hình hoạt động trong năm

### 2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD năm 2014:

ĐVT: Tỷ đồng

| Chỉ tiêu                        | KH năm 2014 | Thực hiện năm 2014 | % so KH giao |
|---------------------------------|-------------|--------------------|--------------|
| Tổng doanh thu và thu nhập khác | 650,06      | 826,248            | 127,10       |
| Lợi nhuận trước thuế            | 24          | 24,578             | 102,42       |
| Nộp ngân sách                   | 12,32       | 8,317              | 67,51        |
| Chia cổ tức                     | 15,92       | 16                 | 100,50       |

### 2.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Mặc dù kinh tế thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức nhưng với sự quyết tâm và đoàn kết gắn bó, khắc phục khó khăn Công ty CP Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm đã nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ với kết quả đạt được cụ thể như sau:

#### Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

| ST T | Diễn giải                       | ĐVT     | Kế hoạch 2014 | Thực hiện năm 2014 | (%) so kế hoạch | (%) so cùng kỳ 2013 |
|------|---------------------------------|---------|---------------|--------------------|-----------------|---------------------|
| 1    | Tổng doanh thu, TNTC và TN khác | Ti đồng | 650,060       | 826,248            | 127,10          | 107,82              |

34  
3T  
HÀ  
C  
G1  
PH  
T



|   |                  |           |        |        |        |        |
|---|------------------|-----------|--------|--------|--------|--------|
| 2 | Kim ngạch X.khẩu | Triệu USD | 16,308 | 20,715 | 127,02 | 112,64 |
| 3 | Lợi nhuận        | Tỉ đồng   | 24     | 24,578 | 102,41 | 96,45  |
| 4 | Nộp ngân sách    | Tỉ đồng   | 12,320 | 8,317  | 67,51  | 70,54  |

**Kết quả thực hiện các ngành hàng:**

| STT       | Diễn giải                         | ĐVT            | Kế hoạch 2014 | Thực hiện 2014 | (%) so kế hoạch | (%) so cùng kỳ 2013 |
|-----------|-----------------------------------|----------------|---------------|----------------|-----------------|---------------------|
| <b>I</b>  | <b>MUA VÀO</b>                    |                |               |                |                 |                     |
| <b>1</b>  | <b>Lương thực mua vào quy gạo</b> | Tấn            | <b>45.000</b> | <b>53.486</b>  | <b>118,86</b>   | <b>95,68</b>        |
|           | - Gạo các loại                    | Tấn            | 44.000        | 52.416         | 119,13          |                     |
|           | - Lúa các loại                    | Tấn            | 2.000         | 2.140          | 107             |                     |
| <b>2</b>  | <b>Bao bì mỹ nghệ</b>             | Tấn            |               |                |                 |                     |
|           | - Hạt nhựa+ taical                | Tấn            | 1.560         | 1.393          | 89,29           |                     |
|           | - Lúa tươi + rom vàng             | Tấn            | 1.255         | 2.019          | 160,88          |                     |
| <b>II</b> | <b>BÁN RA</b>                     |                |               |                |                 |                     |
| <b>1</b>  | <b>Lương thực bán ra quy gạo</b>  | Tấn            | <b>45.000</b> | <b>57.758</b>  | <b>128,35</b>   | <b>119,25</b>       |
|           | - Xuất khẩu                       | Tấn            | 30.000        | 36.091         | 120,30          |                     |
|           | - Nội địa + cung ứng              | Tấn            | 15.000        | 21.099         | 140,66          |                     |
| <b>2</b>  | <b>Bao bì – mỹ nghệ</b>           |                |               |                |                 |                     |
|           | - Bao bì                          | 1.000cái       | 13.000        | 12.776         | 98,28           | 102,83              |
|           | - Mỹ nghệ                         | cont           | 30            | 32             | 106,67          | 98,46               |
| <b>3</b>  | <b>Xây lắp - Cơ khí</b>           |                |               |                |                 |                     |
|           | - Cơ khí (Doanh thu)              | Tỷ đồng        | 70            | 75,430         | 107,76          | 59,69               |
|           | - Bê tông – VLXD                  | m <sup>3</sup> | 30 000        | 43 525         | 145,08          | 144,82              |

**2.2.1. Mặt hàng lương thực:**

Bán ra đạt 57.758 tấn, đạt 128,35% so với kế hoạch và đạt 119,25% so với năm 2013 trong đó:

Đối với xuất khẩu: Thị trường thế giới giao dịch trầm lắng, nguồn cung dư thừa mà nhu cầu lại giảm mạnh, do lượng gạo tồn kho của các nước xuất khẩu còn nhiều đã tạo ra sự cạnh tranh gay gắt, đặc biệt là lượng gạo cũ tồn kho lớn của Thái Lan và việc nước này hạ giá bán để giải phóng hàng tồn kho, thị



trường xuất khẩu gạo thương mại lớn nhất hiện nay của các doanh nghiệp Việt nam vẫn là Trung Quốc, việc xuất khẩu gạo sang Trung Quốc tiềm ẩn rất nhiều rủi ro và bị ép giá nhưng đây vẫn là kênh tiêu thụ tốt để giải phóng hàng tồn kho của các doanh nghiệp Việt Nam và tình trạng này sẽ còn kéo dài trong nhiều năm tới. Hiệu quả từ xuất khẩu lương thực trong năm 2014 của Công ty chủ yếu là nhóm gạo thơm.

Đối với thị trường tiêu thụ trong nước: Sản lượng tiêu thụ khá ổn định, mặc dù xuất khẩu gặp khó khăn, nhiều doanh nghiệp chuyển sang khai thác thị trường trong nước làm thị phần bị chia nhỏ, nhưng Công ty đã có hệ thống khách hàng khá ổn định trong nhiều năm qua nên không bị ảnh hưởng, riêng việc tiêu thụ gạo đóng bịch có nhãn mác thì sản lượng tiêu thụ có giảm sút do ngày càng nhiều đơn vị tham gia vào lĩnh vực này, thậm chí có một số Metro và siêu thị đã tự chế biến đóng gói để bán với giá cạnh tranh hơn do không chịu các khoản phí chiết khấu và thuê quầy. Mặc dù tiêu thụ lương thực trong năm 2014 gặp rất nhiều khó khăn và chịu sự cạnh tranh quyết liệt trong cả 2 thị trường nội địa và xuất khẩu, nhưng Công ty cũng đã nỗ lực vượt qua và hoàn thành kế hoạch đề ra.

### **2.2.2. Mặt hàng bao bì – mỹ nghệ:**

#### **a)- Mặt hàng bao bì:**

Bán ra đạt 12,776 triệu chiếc, đạt 98,28% so với kế hoạch năm và đạt 107,19% so với năm 2013

Tiêu thụ bao bì trong năm 2014 gặp nhiều khó khăn do giá hạt nhựa và chi phí vận chuyển đứng ở mức cao, đồng thời phải chịu ảnh hưởng trực tiếp từ khó khăn trong xuất khẩu lương thực, do sản lượng lương thực xuất khẩu sụt giảm và giá xuất khẩu của hợp đồng tập trung đứng ở mức thấp, đã tạo ra sự cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp tham gia cung ứng bao bì phục vụ xuất khẩu và buộc các đơn vị sản xuất phải giảm giá bán thì mới có thể tiêu thụ được bao bì, đây là những nguyên nhân làm cho sản lượng và hiệu quả mặt hàng này chưa đạt được như mong muốn và chưa thể tăng nếu tình hình xuất khẩu lương thực chưa được cải thiện, đây cũng là khó khăn chung mà các đơn vị chuyên ngành bao bì phục vụ cho xuất khẩu lương thực đang phải đối mặt.

#### **b)- Mặt hàng Mỹ nghệ:**

Xuất khẩu đạt: 32 Con't, đạt 106,66% so với kế hoạch năm và đạt 98,46% so với năm 2013. Mặt hàng mỹ nghệ kinh doanh ổn định và có hiệu quả cao so với vốn đầu tư, đây là ngành hàng không chịu sự cạnh tranh bởi thị trường, tuy nhiên sản lượng khó tăng do nhu cầu của khách hàng không nhiều và là mặt hàng sản xuất thủ công theo thời vụ nên rất khó thu tuyển và đào tạo lao động.

### **2.2.3. Mặt hàng Cơ khí Bê tông – VLXD:**

#### **a)- Mặt hàng cơ khí:**

Doanh số đạt: 75,43 tỷ đồng, đạt 107,76% so với kế hoạch năm và đạt 59,69% so với cùng kỳ năm 2013. Mặt hàng cơ khí tuy có hiệu quả nhưng doanh số giảm sâu so với năm 2013 nguyên nhân là do trong những năm qua các doanh



ngành đã đầu tư máy móc, thiết bị tương đối hoàn thiện, đồng thời tình hình kinh doanh lương thực gặp nhiều khó khăn và hiệu quả thấp nên các doanh nghiệp cũng hạn chế đầu tư mở rộng. Tình hình sụt giảm doanh số ngành hàng cơ khí có thể kéo dài trong năm 2015, hiện nay Công ty cũng đang nghiên cứu để có giải pháp ổn định sản xuất và phát triển ngành hàng này.

**b)- Mặt hàng bê tông – VLXD:**

Tiêu thụ đạt: 43.525 m<sup>3</sup> đạt 145,08% so với kế hoạch năm và đạt 144,82% so với năm 2013

Mặt hàng bê tông tươi năm 2014 có tốc độ tăng trưởng khá tốt, do có sự tác động tích cực của chính sách giảm lãi suất vốn tín dụng, kích cầu tiêu dùng, tăng chi tiêu, do đó các nhà đầu tư xây dựng và các công trình lớn được tái khởi động lại, đồng thời do làm tốt công tác khai thác thị trường và tiếp thị nên ngành hàng bê tông đã tăng được thị phần tiêu thụ và có hiệu quả.

**2.3. Tổ chức và nhân sự**

**2.3.1. Cơ cấu tổ chức Công ty**

+ Công ty gồm 4 phòng chức năng (phòng Kế hoạch Kinh doanh, phòng Kỹ thuật Công nghệ, phòng Tài chính Kế toán và phòng Tổ chức Hành chính) và 3 xí nghiệp trực thuộc (xí nghiệp Lương thực Thực phẩm, xí nghiệp Xây lắp Cơ khí, xí nghiệp Bao bì & Thủ công Mỹ nghệ).

**2.3.2. Tóm tắt lý lịch của các thành viên trong ban điều hành:**

**\* Ông : Lê Hoàng Nhữ**

-Ngày tháng năm sinh: 03/04/1961

-Địa chỉ thường trú: Số 303 QL62, Phường 6, TP Tân An, Long An

-Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**\* Ông Hồ Văn Luân**

- Ngày tháng năm sinh: 25/10/1957

- Địa chỉ thường trú : Số 19, Cử Luyện, Phường 5, TP Tân An, Long An

-Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm

**\* Ông: Nguyễn Bình Hiễn**

- Ngày tháng năm sinh: 23/07/1964

- Địa chỉ thường trú: 8/80 QL1A, Nhơn Phú, P.5, TP.Tân An, Long An

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm.

**\* Ông: Nguyễn Văn Kiệt**

- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1964

- Địa chỉ thường trú: 41 Nguyễn Thông, Phường 3, TP Tân An, Long An





- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm.

### **2.3.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

+ Tổng số CNV lao động là 560 người

Trong đó:

+ Lao động không xác định thời hạn là 294 người; lao động hợp đồng từ 1-2 năm là 123 người; ngắn hạn 10 người; công nhật, thời vụ 133 người.

+ Ngoài tiền lương, chế độ BHXH, BHYT, cán bộ công nhân viên còn được hưởng thêm tiền ăn giữa ca, chế độ bảo hiểm con người, chế độ bồi dưỡng độc hại, nghỉ dưỡng sức, khám sức khoẻ định kỳ. Công đoàn chăm lo tốt đời sống CBCNV-NLĐ nhân các ngày lễ lớn 30/04, 02/09 và Tết Cổ truyền; tổ chức phát thưởng cho con CBCNV học giỏi, tổ chức cho con CBCNV-NLĐ vui chơi nhân ngày 01/6 và tết Trung thu. Ngoài ra còn một số chế độ khác như tặng quà phụ nữ nhân ngày 8/3, tặng quà CNV khi đám cưới, trợ cấp khó khăn đột xuất, thăm hỏi khi gia đình có hũu sự, phát động các đợt quyên góp giúp đỡ cho gia đình CNV gặp hoàn cảnh khó khăn ....

### **2.4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

Đầu tư chiều sâu nâng cao năng lực sản xuất các mặt hàng chủ lực với những công trình đầu tư lớn như sau:

#### **- Mặt hàng lương thực:**

+ Đầu tư cân đóng bịch 1-10 kg trị giá 133 triệu đồng.

+ Lắp thêm trống, sàn tạp chất, cân liệu rời tại phân xưởng 1 Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm trị giá 237 triệu đồng.

Đầu tư máy tách màu Satake tại phân xưởng 1 Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm trị giá 3.500 triệu đồng.

Đầu tư bồn chứa nguyên liệu máy tách màu tại phân xưởng 1 Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm trị giá 392 triệu đồng.

#### **- Mặt hàng bao bì mỹ nghệ:**

+ Lắp đặt hệ thống máy kéo sợi tại Xí nghiệp Bao bì và Thủ Công Mỹ Nghệ trị giá 1.246 triệu đồng.

+ Đầu tư hệ thống PCCC và hồ nước PCCC tại Xí nghiệp Bao bì và Thủ Công Mỹ Nghệ trị giá 294 triệu đồng.

+ Đầu tư máy in bao 3 màu tại Xí nghiệp Bao bì và Thủ Công Mỹ Nghệ trị giá 73 triệu đồng.

+ Lắp đặt hệ thống máy sấy tại Xí nghiệp Bao bì và Thủ Công Mỹ Nghệ trị giá 37 triệu đồng.

#### **- Mặt hàng cơ khí :**

+ Đầu tư hệ thống cầu trục dầm đơn tại Xí nghiệp Cơ khí trị giá 391 triệu đồng.

064  
NG  
PH  
IP.1  
ĐNG  
C PH  
V-I



+ Đầu tư cầu cảng bốc dỡ hàng hóa tại Xí nghiệp Cơ khí trị giá 139 triệu đồng.

**- Mặt hàng Bê Tông -VLXD :**

+ Đầu tư máy bơm bê tông Putzmeister 90m<sup>3</sup>/h tại Xí nghiệp Xây lắp-Cơ khí trị giá 618 triệu đồng.

+ Sửa chữa máy bơm bê tông Putzmeister 60m<sup>3</sup>/h tại Xí nghiệp Xây lắp-Cơ khí trị giá 251 triệu đồng.

+ Đầu tư xe cẩu cạp bánh xích tại Xí nghiệp Xây lắp-Cơ khí trị giá 1,385 tỷ đồng.

+ Đầu tư giếng khoan lưu lượng nước 10-12m<sup>3</sup>/h dùng sản xuất bê tông tại Xí nghiệp Xây lắp-Cơ khí trị giá 100 triệu đồng.

**2.5. Tình hình tài chính:**

**Các chỉ tiêu tài chính:**

| STT | Chỉ tiêu                           | ĐVT | Năm 2012 | Năm 2013 | Năm 2014 |
|-----|------------------------------------|-----|----------|----------|----------|
| 1   | - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản     | %   | 15,00    | 10,93    | 19,62    |
| 2   | -Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản     | %   | 85,00    | 89,07    | 80,38    |
| 3   | -Nợ phải trả/Tổng tài sản          | %   | 53,78    | 64,86    | 39,20    |
| 4   | -Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản | %   | 46,22    | 35,14    | 60,80    |
| 5   | -Khả năng thanh toán hiện hành     | Lần | 0,94     | 1,37     | 2,05     |
| 6   | -Tỉ suất LN trước thuế/DT thuần    | %   | 4,75     | 3,40     | 3,03     |

**2.6. Cơ cấu cổ đông**

-Tên Cổ phiếu: MCF

- Tổng số cổ phiếu thường : 8.000.000 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại : 8.000.000 CP

- Cổ tức / lợi nhuận được chia cho các thành viên góp vốn : Cổ tức năm 2014 dự kiến 16% trên vốn điều lệ 80 tỷ đồng.

**2.7. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn**

**2.7.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước.

Cổ đông đại diện vốn Nhà nước nắm giữ 60% vốn điều lệ (4.800.000 CP), cổ đông là thể nhân, khác nắm giữ 40% vốn điều lệ (3.200.000 CP). Mệnh giá 10.000 đồng/CP.

- Thông tin về từng cổ đông góp vốn:

+ Cổ đông lớn là tổ chức: Công ty TNHH MTV-Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (Địa chỉ: 42 Chu Mạnh Trinh, Quận 1, TPHCM) là cổ đông nắm giữ 4.800.000 CP, chiếm 60% vốn điều lệ.

+ Cổ đông lớn là thể nhân: không có.

40  
 TV  
 AN  
 COM  
 TH  
 AM  
 LC



## 2.7.2. Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

### 1/ Ông Trương Văn Ảnh

- Ngày tháng năm sinh: 17/04/1956
- Địa chỉ thường trú: 129, Nguyễn Thông, Phường 3, TP Tân An, Long An
- Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Lương thực Miền Nam.
- Số cổ phần nắm giữ: 3.707 cổ phần

### 2/ Ông Phạm Văn Tô

- Ngày tháng năm sinh: 15/03/1957
- Địa chỉ thường trú: 161 Đường Lò Siêu, P8, Quận 10, TPHCM
- Chức vụ: Phó phòng Đầu tư Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm.

- Số cổ phần nắm giữ: 1.413.000 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 53.000 cổ phần

+ Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 1.360.000 cổ phần

### 3/ Ông Lê Hoàng Nhữ

- Ngày tháng năm sinh: 03/04/1961
- Địa chỉ thường trú: Số 303 QL62, Phường 6, TP Tân An, Long An
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
- Số cổ phần nắm giữ: 1.360.000 cổ phần

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần

+ Đại diện sở hữu vốn nhà nước : 1.360.000 cổ phần

## III. Báo cáo đánh giá của Ban điều hành

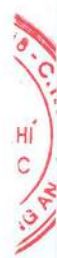
### 3.1. Đặc điểm tình hình:

Bối cảnh chung năm 2014 được đánh giá là năm mà nền kinh tế thế giới cũng như trong nước có nhiều thuận lợi cho một số ngành kinh tế và cũng là năm vô cùng khó khăn cho ngành xuất khẩu thuộc lĩnh vực nông nghiệp trong đó có sản phẩm lương thực:

Theo đánh giá của Chính phủ, năm 2014 tình hình kinh tế trong nước có nhiều chuyển biến tích cực trên hầu hết các lĩnh vực, nền kinh tế được ổn định hơn và nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách giảm thuế, giảm lãi suất vốn tín dụng, kích cầu tiêu dùng nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp hoạt động, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, chỉ số giá tiêu dùng tăng bình quân 2,25% đây là mức tăng thấp nhất trong vòng 10 năm qua.

Tuy nhiên tình hình kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, do nợ xấu tăng cao, cân đối ngân sách khó khăn, khó tiếp cận nguồn vốn; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh còn thấp; giá đầu vào của các loại vật tư, nguyên liệu còn cao, đó là nguyên nhân làm kiềm hãm sự hồi phục của nền kinh tế và của doanh nghiệp

Theo nguồn tổng hợp của Cục trồng trọt Bộ Nông Nghiệp và phát triển nông thôn, năm 2014 toàn vùng Nam bộ sản xuất nông nghiệp trong năm phát





triển thuận lợi, sản lượng đạt gần 27,8 triệu tấn, tăng 0,916 triệu tấn, do năng suất tăng thêm 2,27 tạ/ha so với vụ năm 2013 điều này cho thấy việc chuyển đổi canh tác lúa sang cây trồng khác để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, tránh tình trạng được mùa lại mất giá như hiện nay và những năm gần đây, theo chủ trương của Bộ Nông Nghiệp chưa được như mong muốn

Tình hình xuất khẩu lương thực qua đánh giá của Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam và Hiệp hội Lương Thực Việt Nam, thị trường tiêu thụ lương thực năm 2014 hết sức khó khăn do lượng cung lớn hơn cầu, đã tạo nên sự cạnh tranh quyết liệt giữa các nước tham gia xuất khẩu gạo, đặc biệt là Thái Lan dẫn đầu về xuất khẩu gạo trong năm với lợi thế gạo cũ tồn kho, giá rẻ và gạo đồ, cung cấp cho các thị trường Philippines, Indonesia, Trung Quốc, Châu Phi, đã tác động lớn đến xuất khẩu lương thực của Việt Nam trong năm qua; theo Tổng kết năm 2014 thì sản lượng xuất khẩu giảm 7,81%

Trong quá trình triển khai thực hiện Công ty cũng đã đánh giá những thuận lợi và khó khăn của thị trường trong từng thời điểm để chủ động xây dựng các phương án kinh doanh và có những giải pháp phù hợp nhằm vượt qua khó khăn thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao

**a/ Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam luôn tạo điều kiện và giúp đỡ Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hội đồng quản trị luôn giám sát chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời, đưa ra chủ trương, quyết sách đúng đắn, phù hợp với tình hình và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tập thể ban điều hành, cán bộ, nhân viên người lao động luôn đoàn kết, gắn bó, chủ động và quyết tâm cao trong thực hiện kế hoạch đề ra.

- Đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty có nhiều năm kinh nghiệm và cán bộ trẻ kế thừa có năng lực và trình độ. Lực lượng công nhân lành nghề, gắn bó lâu dài với Công ty.

- Sản phẩm của Công ty tiếp tục được cải tiến về mẫu mã và chất lượng.

**b/ Khó khăn thách thức:**

Năm 2014 mặc dù nền kinh tế có chuyển biến tích cực, tăng trưởng kinh tế khá và tỷ lệ lạm phát thấp, nhưng đối với sản phẩm ngành nông nghiệp vẫn còn hết sức khó khăn, có tăng trưởng nhưng ở mức thấp so với năm 2013, riêng ngành lương thực thì xuất khẩu giảm sút về lượng và giá trị.

- Tình hình tiêu thụ tiếp tục khó khăn về đầu ra kể cả xuất khẩu và nội địa, giá bán thấp, ảnh hưởng đến sản lượng và doanh thu của Công ty.

- Ngành hàng cơ khí gặp khó khăn do không được tham gia dự thầu các gói đầu tư trong hệ thống của Tổng Công ty.

- Các ngành hàng khác mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

**3.2. Kế hoạch và biện pháp thực hiện của Công ty trong năm 2015**

**+ Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận:**





| Chỉ tiêu             | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2015 | Ghi chú           |
|----------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| Tổng doanh số bán    | Tỷ đồng     | 685               |                   |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng     | 25,5              |                   |
| Chia cổ tức          | %/năm       | 17                | Trên VDL<br>80 tỷ |

**+ Các chỉ tiêu mua vào bán ra:**

| STT      | DIỄN GIẢI               | ĐVT            | KẾ HOẠCH NĂM 2015 |
|----------|-------------------------|----------------|-------------------|
| <b>A</b> | <b>MUA VÀO</b>          |                |                   |
| 1        | Gạo các loại (quy gạo): | Tấn            | 50.000            |
| <b>B</b> | <b>BÁN RA</b>           |                |                   |
| 1        | Gạo các loại            | Tấn            | 50.000            |
| 2        | Bao bì                  | Triệu cái      | 13                |
| 3        | Mỹ nghệ                 | Container      | 32                |
| 4        | Bê tông                 | m <sup>3</sup> | 35.000            |
| 5        | Cơ khí                  | Tỷ đồng        | 75                |

**+ Đầu tư xây dựng cơ bản máy móc thiết bị:**

ĐVT : triệu đồng

| STT       | Diễn giải                        | Địa điểm đầu tư                            | Số tiền      |
|-----------|----------------------------------|--|--------------|
| <b>I</b>  | <b>XN Lương Thực Thực Phẩm</b>   |  | <b>3.620</b> |
| 1         | Hệ thống băng tải liệu rời       | Số 28, Cao Văn Lầu, P5, TP Tân An, Long An | 800          |
| 2         | Hệ thống bồn chứa                | Số 28, Cao Văn Lầu, P5, TP Tân An, Long An | 2.100        |
| 3         | Xe tải 2,5 tấn Hyundai (1 chiếc) | Số 28, Cao Văn Lầu, P5, TP Tân An, Long An | 720          |
| <b>II</b> | <b>Xí nghiệp Xây Lắp Cơ Khí</b>  |  | <b>9.010</b> |
| 1         | Máy chấn tole 2500mm             | Số 27 Võ Ngọc Quận, P6, TP Tân An, Long An | 385          |

3:11  
 C  
 XÂY  
 VÀ L  
 TH  
 TÂN



| STT | Diễn giải                 | Địa điểm đầu tư                               | Số tiền |
|-----|---------------------------|---|---------|
| 2   | Cần trục                  | Số 27 Võ Ngọc Quận,<br>P6, TP Tân An, Long An | 900     |
| 3   | Máy cân bằng động         | Số 27 Võ Ngọc Quận,<br>P6, TP Tân An, Long An | 825     |
| 4   | Thiết bị sơn tĩnh điện    | Số 27 Võ Ngọc Quận,<br>P6, TP Tân An, Long An | 1.200   |
| 5   | Xe trộn bê tông (2 chiếc) | Số 27 Võ Ngọc Quận,<br>P6, TP Tân An, Long An | 4.300   |
| 5   | Xe cầu tự hành 5,5 tấn    | Số 27 Võ Ngọc Quận,<br>P6, TP Tân An, Long An | 1.400   |
|     | <b>Tổng cộng</b>          |   | 12.630  |

### 3.3. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Duy trì sản xuất ổn định và kiểm soát chặt chẽ các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm cung ứng cho khách hàng.
- Cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng: Giao hàng đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng sản phẩm chính xác theo hợp đồng.
- Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu và sản phẩm trên website, các phương tiện thông tin đại chúng.
- Với chiến lược phát triển bền vững, trong thời gian tới Mecofood xác định tập trung đầu tư mới máy móc thiết bị để phát triển ngành lương thực, cơ khí, Bê tông -VLXD và bao bì. Bên cạnh đó tiếp tục duy trì ổn định mặt hàng mỹ nghệ.
- Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng tiềm năng ở những thị trường mới thông qua các hội chợ nông sản quốc tế.
- Không ngừng nghiên cứu sản xuất ra các sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu thị trường.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

### 4.1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

- Hội đồng Quản trị đã thiết lập cơ chế họp định kỳ hàng tháng, quý để xây dựng định hướng phát triển, xây dựng và hoạch định chiến lược, ấn định các mục tiêu kinh doanh, tài chính giao cho Ban điều hành. Các thành viên HĐQT,



BKS tham gia đầy đủ các phiên họp, kịp thời đưa ra những chủ trương, quyết định phù hợp để Ban điều hành thực hiện tốt định hướng của Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng Quản trị thực hiện đầy đủ chức năng theo quy định Điều lệ và làm tốt công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực triển khai công việc, có kết luận cụ thể về các định hướng hành động và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tiễn kinh doanh nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn, hiệu quả.

- Thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch theo đúng quy định của cơ quan ban ngành về công bố thông tin định kỳ, đột xuất ; các báo cáo tài chính hàng quý, giữa niên độ và năm. Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố trên trang website của Công ty, trên các phương tiện thông tin và được trình bày trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.

#### **4.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:**

Hội đồng Quản trị chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các Nghị quyết; đồng thời phân công một số thành viên trực tiếp làm việc, hỗ trợ Ban điều hành để giải quyết những vướng mắc, khó khăn.

- Định kỳ hàng tháng, quý, Hội đồng Quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo tình hình quản lý, điều hành Công ty, những vấn đề phát sinh trong quá trình kinh doanh và chỉ đạo các công việc liên quan đến thực hiện Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

- Hoạt động của Tổng Giám đốc đều tuân thủ theo Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế, Quy định của Công ty.

### **V. Quản trị Công ty**

#### **5.1. Hội đồng quản trị**

##### **5.1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT**

Hội đồng quản trị có 05 thành viên trong đó 03 thành viên trực tiếp điều hành và 02 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.

+ 02 thành viên không trực tiếp điều hành:

Ông Lê Văn Lộc                      Chủ tịch

Ông Phạm Văn Tô                    Ủy viên

+ 03 thành viên trực tiếp điều hành:

Ông Lê Hoàng Nhữ                Ủy viên-Tổng Giám đốc Công ty

Ông Hồ Văn Luân                Ủy viên-Phó Tổng Giám đốc Công ty

*(Ông Hồ Văn Luân đã từ chức thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 04/12/2014 vì lý do sức khỏe kém hiện chưa bầu bổ sung người khác thay thế)*

Ông Nguyễn Văn Kiệt           Ủy viên-Phó Tổng Giám đốc Công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT tại ngày 31/12/2014.



| Họ và tên           | Số lượng CP      | Tỷ lệ          | Ghi chú                               |
|---------------------|------------------|----------------|---------------------------------------|
| Ông Phạm Văn Tỏ     | 1.413.000        | 17,662%        | Trong đó đại diện vốn nhà nước là 17% |
| Ông Lê Hoàng Nhữ    | 1.360.000        | 17%            | Trong đó đại diện vốn nhà nước là 17% |
| Ông Nguyễn Văn Kiệt | 16.800           | 0,21%          | Vốn cá nhân là 0,21%                  |
| Ông Lê Văn Lộc      | 2.110.700        | 26,384%        | Trong đó đại diện vốn nhà nước là 26% |
| Ông Hồ Văn Luân     | 30.000           | 0,375%         | Vốn cá nhân là 0,375%                 |
| <b>Tổng cộng</b>    | <b>4.930.500</b> | <b>61,631%</b> |                                       |

Cổ phần thuộc vốn cá nhân, khác có 3.069.500 cổ phần, chiếm tỷ lệ 38,369% vốn điều lệ.

### 5.1.2. Các cuộc họp của HĐQT

| STT | Thành Viên HĐQT | Chức vụ       | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------|---------------|---------------------|-------|---------------------|
| 1   | Lê Văn Lộc      | Chủ tịch HĐQT | 9/9                 | 100 % |                     |
| 2   | Phạm Văn Tỏ     | UV HĐQT       | 11/11               | 100 % |                     |
| 3   | Lê Hoàng Nhữ    | UV HĐQT       | 11/11               | 100 % |                     |
| 4   | Hồ Văn Luân     | UV HĐQT       | 11/11               | 100 % |                     |
| 5   | Nguyễn Văn Kiệt | UV HĐQT       | 11/11               | 100 % |                     |

Ông Lê Văn Lộc được bổ nhiệm là thành viên HĐQT và giữ chức Chủ tịch HĐQT thay cho Ông Nguyễn Ngọc Nam kể từ ngày 25/01/2014 cho nên 02 cuộc họp cùng ngày trước đó (24/01/2014) ông Lê Văn Lộc không tham dự.

Ông Hồ Văn Luân thôi giữ chức UVHĐQT Công ty kể từ ngày 04/12/2014 vì lý do sức khỏe.

### 5.1.3. Hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật doanh nghiệp, các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn, Hội đồng quản trị luôn bám sát định hướng của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty đề ra các Nghị quyết, Quyết định các nội dung chủ yếu thuộc chức trách, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để chỉ đạo, quản lý giám sát các hoạt động của Công ty.

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2014 và Nghị quyết của HĐQT.



- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp hàng Quý với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

-Thực hiện chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 cho phù hợp với thực tế của Công ty.

- Giám sát việc thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT.

- Ngoài ra, khi có phát sinh những vấn đề thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT, Ban Tổng giám đốc Công ty đều xin ý kiến của HĐQT bằng việc triệu tập cuộc họp hoặc bằng văn bản và phải có sự thống nhất của tất cả các thành viên trong HĐQT.

## 5.2. Ban kiểm soát

### 5.2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên:

| Họ tên             | Chức vụ | Số CP  | Tỷ lệ (%) | Ghi chú |
|--------------------|---------|--------|-----------|---------|
| Bà Nguyễn Thị Bảy  | TBKS    | 1.142  | 0,0142    |         |
| Ông Lê Trường Sơn  | TV BKS  | 22.000 | 0,275     |         |
| Bà Trần Thị Phượng | TV BKS  | 5.800  | 0,0725    |         |

### 5.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2014 cụ thể:

Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán Công ty đảm bảo tuân thủ chế độ kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Xem xét báo cáo tài chính định kỳ hàng tháng, quý và cả năm. Từ đó phân tích đánh giá tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn.

Tham gia phối hợp cùng đơn vị kiểm toán về phạm vi, nội dung thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 thẩm định báo cáo tài chính năm 2014 trước và sau kiểm toán, đồng thời xem xét các ý kiến của kiểm toán viên độc lập. Ban kiểm soát đã nhận định Báo cáo tài chính năm 2014 đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2014.



Bên cạnh đó Ban kiểm soát đều tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ hàng quý giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc để nghe Ban Tổng giám đốc báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh từng quý và mục tiêu phương hướng hoạt động tiếp theo nhằm hoàn thành kế hoạch đề ra trong năm 2014, xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2015. Từ đó, Ban kiểm soát tham gia đóng góp ý kiến của mình trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

**5.3. Thù lao và các khoản lợi ích khác cho HĐQT/Kiểm soát viên.**

**5.3.1. Thù lao Hội đồng quản trị (người/tháng):**

Từ tháng 01/2014 đến tháng 03/2014

Chủ tịch HĐQT: 5.212.000 đồng, thành viên HĐQT: 4.012.000 đồng,  
Trưởng ban kiểm soát: 3.649.000 đồng, thành viên ban kiểm soát: 1.825.000 đồng.

Từ tháng 04/2014 đến tháng 12/2014

Thành viên HĐQT: 4.600.000 đồng, Trưởng ban kiểm soát: 4.200.000 đồng, thành viên ban kiểm soát: 2.100.000 đồng.

**5.3.2. Giao dịch của cổ đông nội bộ:**

| STT | Người thực hiện giao dịch | Chức vụ        | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |         | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |         | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|---------------------------|----------------|---------------------------|---------|----------------------------|---------|--|
|     |                           |                | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ % | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ % |  |
| 1   | Hồ Văn Luân               | UVHĐ QT- P.TGD | 40.000                    | 0,5     | 30.000                     | 0,375   | Bán giải quyết nhu cầu cá nhân                     |
| 2   | Trần Thị Phụng            | TV BKS         | 1.200                     | 0,015   | 5.800                      | 0,0725  | Mua khớp lệnh qua sàn                              |
| 3   | Nguyễn Văn Cho            | Kế Toán Trưởng | 18.200                    | 0,2275  | 200                        | 0,0025  | Bán giải quyết nhu cầu cá nhân                     |
| 4   | Lê Hoàng Nhữ              | UVHĐ QT- TGD   | 50.000                    | 0,625   | 0                          | 0       | Bán giải quyết nhu cầu cá nhân                     |
| 5   | Nguyễn Văn Kiệt           | UVHĐ QT- P.TGD | 25.000                    | 0.3125  | 16.800                     | 0.21    | Bán giải quyết nhu cầu cá nhân                     |

**VI. Báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán theo đúng qui định của pháp luật về kế toán:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Thuyết minh báo cáo tài chính





- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Toàn văn báo cáo tài chính năm 2014 đã kiểm toán được đăng tải trên website [www.mecofood.com.vn](http://www.mecofood.com.vn), trang thông tin cổ đông)

**6.1. Kiểm toán độc lập**

- Đơn vị kiểm toán độc lập: CN Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán (AASC). Báo cáo của kiểm toán độc lập dựa trên những cơ sở và ý kiến của kiểm toán viên như sau:

**Trách nhiệm của kiểm toán viên:**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xây lắp- Cơ khí và Lương thực Thực phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**6.2 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán**

**- Bảng cân đối kế toán năm 2014**

30664  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
XÂY LẮP- C  
LƯƠNG THỰC  
THỰC PHẨM  
AN-T



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

| Mã số | Tài sản                  |   | Thuật minh | 31/12/2014             | 01/01/2014             |
|-------|--------------------------|---|------------|------------------------|------------------------|
|       |                          |   |            | VND                    | VND                    |
| 100   | A.                       | <b>Tài sản ngắn hạn</b>                   |            | <b>157.420.925.718</b> | <b>291.571.290.393</b> |
| 110   | I.                       | <b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b> |            | <b>7.703.144.478</b>   | <b>50.071.557.498</b>  |
| 111   | 1.                       | Tiền                                      |            | 7.703.144.478          | 3.071.557.498          |
| 112   | 2.                       | Các khoản tương đương tiền                |            | -                      | 47.000.000.000         |
| 130   | III.                     | <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        |            | <b>42.979.662.693</b>  | <b>80.884.284.892</b>  |
| 131   | 1.                       | Phải thu của khách hàng                   |            | 38.756.438.349         | 64.357.506.029         |
| 132   | 2.                       | Trả trước cho người bán                   |            | 7.908.707.714          | 15.488.253.038         |
| 135   | 5.                       | Các khoản phải thu khác                   |            | 221.405.555            | 1.183.363.000          |
| 139   | 6.                       | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        |            | (3.906.888.925)        | (144.837.175)          |
| 140   | IV.                      | <b>Hàng tồn kho</b>                       |            | <b>72.016.392.759</b>  | <b>136.197.249.846</b> |
| 141   | 1.                       | Hàng tồn kho                              |            | 72.016.392.759         | 136.197.249.846        |
| 150   | V.                       | <b>Tài sản ngắn hạn khác</b>              |            | <b>34.721.725.788</b>  | <b>24.418.198.157</b>  |
| 151   | 1.                       | Chi phí trả trước ngắn hạn                |            | -                      | 53.579.559             |
| 152   | 2.                       | Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       |            | 221.725.788            | 4.364.618.598          |
| 158   | 5.                       | Tài sản ngắn hạn khác                     |            | 34.500.000.000         | 20.000.000.000         |
| 200   | B.                       | <b>Tài sản dài hạn</b>                    |            | <b>38.424.388.957</b>  | <b>35.775.441.099</b>  |
| 210   | I.                       | <b>Các khoản phải thu dài hạn</b>         |            | <b>19.600.000</b>      | <b>48.400.000</b>      |
| 218   | 4.                       | Phải thu dài hạn khác                     |            | 19.600.000             | 48.400.000             |
| 220   | II.                      | <b>Tài sản cố định</b>                    |            | <b>38.143.667.712</b>  | <b>34.223.030.932</b>  |
| 221   | 1.                       | Tài sản cố định hữu hình                  |            | 38.018.023.762         | 33.891.032.547         |
| 222   | -                        | Nguyên giá                                |            | 80.883.771.598         | 73.300.697.546         |
| 223   | -                        | Giá trị hao mòn lũy kế                    |            | (42.865.747.836)       | (39.409.664.999)       |
| 227   | 3.                       | Tài sản cố định vô hình                   |            | 48.446.599             | 72.498.655             |
| 228   | -                        | Nguyên giá                                |            | 737.803.229            | 978.749.563            |
| 229   | -                        | Giá trị hao mòn lũy kế                    |            | (689.356.630)          | (906.250.908)          |
| 230   | 4.                       | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang           |            | 77.197.351             | 259.499.730            |
| 260   | V.                       | <b>Tài sản dài hạn khác</b>               |            | <b>261.121.245</b>     | <b>1.504.010.167</b>   |
| 261   | 1.                       | Chi phí trả trước dài hạn                 |            | 170.921.245            | 1.413.810.167          |
| 268   | 3.                       | Tài sản dài hạn khác                      |            | 90.200.000             | 90.200.000             |
| 270   | <b>Tổng cộng tài sản</b> |   |            | <b>195.845.314.675</b> | <b>327.346.731.492</b> |

338  
N  
KHÍ  
HƯC  
.M  
LONG



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

| Mã số  | Nguồn vốn                  |                                     | Thuyết minh        | 31/12/2014        | 01/01/2014        |
|--|----------------------------|-------------------------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
|  |                            |                                     |                    | VND               | VND               |
| 300  | A.                         | Nợ phải trả                         |                    | 76.772.443.536    | 212.309.013.180   |
| 310  | I.                         | Nợ ngắn hạn                         |                    | 76.752.843.536    | 212.258.213.180   |
| 311  | 1.                         | Vay và nợ ngắn hạn                  | 11                 | 19.015.239.315    | 115.211.538.115   |
| 312  | 2.                         | Phải trả người bán                  |                    | 18.660.616.491    | 45.273.483.428    |
| 313  | 3.                         | Người mua trả tiền trước            |                    | 18.407.858.578    | 24.275.289.287    |
| 314  | 4.                         | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 12                 | 1.093.720.026     | 315.158.913       |
| 315  | 5.                         | Phải trả người lao động             |                    | 13.828.136.194    | 18.935.593.814    |
| 316  | 6.                         | Chi phí phải trả                    | 13                 | 447.014.227       | 1.796.318.508     |
| 319  | 9.                         | Các khoản phải trả, phải nộp khác   | 14                 | 592.629.300       | 608.586.760       |
| 320  | 10.                        | Dự phòng phải trả ngắn hạn          |                    | 2.306.885.296     | 4.366.276.665     |
| 323  | 11.                        | Quỹ khen thưởng, phúc lợi           |                    | 2.400.744.109     | 1.475.967.690     |
| 330  | II.                        | Nợ dài hạn                          |                    | 19.600.000        | 50.800.000        |
| 333  | 3.                         | Phải trả dài hạn khác               |                    | 19.600.000        | 50.800.000        |
| 400  | B.                         | Vốn chủ sở hữu                      |                    | 119.072.871.139   | 115.037.718.312   |
| 410  | I.                         | Vốn chủ sở hữu                      | 15                 | 119.072.871.139   | 115.037.718.312   |
| 411  | 1.                         | Vốn đầu tư của chủ sở hữu           |                    | 80.000.000.000    | 80.000.000.000    |
| 412  | 2.                         | Thặng dư vốn cổ phần                |                    | (76.363.636)      | (76.363.636)      |
| 417  | 7.                         | Quỹ đầu tư phát triển               |                    | 11.673.228.419    | 9.734.214.339     |
| 418  | 8.                         | Quỹ dự phòng tài chính              |                    | 6.689.998.173     | 4.846.560.173     |
| 420  | 10.                        | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối   |                    | 20.786.008.183    | 20.533.307.456    |
| 440  | <b>Tổng cộng nguồn vốn</b> |                                     |                    | 195.845.314.675   | 327.346.731.492   |
| <b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b> |                            |                                     |                    |                   |                   |
| <b>Chỉ tiêu</b>                                |                            |                                     | <b>Thuyết minh</b> | <b>31/12/2014</b> | <b>01/01/2014</b> |
| 4.   | Nợ khó đòi đã xử lý        |                                     |                    | 10.978.100        | 10.978.100        |
| 5.   | Ngoại tệ các loại          |                                     |                    |                   |                   |
| -  | Đồng Dollar Mỹ (USD)       |                                     |                    | 112.224           | 12.311            |

**-Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014**

| Mã số | CHỈ TIÊU  | Thuyết minh | Năm 2014        | Năm 2013        |
|-------|---|-------------|-----------------|-----------------|
|       |   |             | VND             | VND             |
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ       |             | 812.220.063.953 | 750.305.844.733 |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                 |             | -               | -               |
| 10    | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 16          | 812.220.063.953 | 750.305.844.733 |





| Mã số | CHỈ TIÊU   | Thuyết minh | Năm 2014        | Năm 2013        |
|-------|--|-------------|-----------------|-----------------|
|       |  |             | VND             | VND             |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                              | 17          | 736.580.892.535 | 684.672.054.871 |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ |             | 75.639.171.418  | 65.633.789.862  |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 18          | 5.861.449.115   | 6.123.050.045   |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                             | 19          | 6.412.151.903   | 7.761.806.365   |
| 23    | -Trong đó: Chi phí lãi vay                       |             | 5.038.955.677   | 7.223.274.595   |
| 24    | 8. Chi phí bán hàng                              | 20          | 29.536.915.531  | 18.361.285.696  |
| 25    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 21          | 28.916.159.635  | 30.045.446.726  |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh      |             | 16.635.393.464  | 15.588.301.120  |
| 31    | 11. Thu nhập khác                                | 22          | 8.166.917.319   | 9.906.705.770   |
| 32    | 12. Chi phí khác                                 | 23          | 224.171.404     | 15.767.611      |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                               |             | 7.942.745.915   | 9.890.938.159   |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            |             | 24.578.139.379  | 25.479.239.279  |
| 51    | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 24          | 5.353.506.147   | 6.369.809.872   |
| 60    | 7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp      |             | 19.224.633.232  | 19.109.429.407  |
| 70    | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                     | 25          | 2.403           | 2.389           |

**- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014 (Theo phương pháp trực tiếp)**

| Chỉ tiêu  | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay | Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm trước |
|---|-------------|------------------------------------|--------------------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                 |             |                                    |                                      |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác       |             | 850 644 713 669                    | 697 875 304 699                      |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ            |             | (721 155 420 286)                  | (720 748 156 100)                    |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                |             | (46 378 794 132)                   | (51 208 375 584)                     |
| 4. Tiền chi trả lãi vay   |             | (5 366 091 151)                    | (6 881 835 595)                      |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp                        |             | (4 516 072 675)                    | (8 393 595 353)                      |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                          |             | 1 425 542 123                      | 1 535 624 332                        |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                         |             | (1 296 843 986)                    | (22 037 507 977)                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>              |             | <b>73 357 033 562</b>              | <b>(109 858 541 578)</b>             |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                    |             |                                    |                                      |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác |             | (9 842 489 478)                    | (9 221 477 882)                      |



| Chỉ tiêu   | Thuyết minh   | Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm nay | Lũy kế từ đầu năm đến cuối năm trước |
|--|---------------|------------------------------------|--------------------------------------|
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                       |               | 164 790 910                        |                                      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                    |               |                                    |                                      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                            |               |                                    |                                      |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |               |                                    |                                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác   |               |                                    |                                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                     |               | 3 255 481 646                      | 4 260 702 718                        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   |               | <b>(6 422 216 922)</b>             | <b>(4 960 775 164)</b>               |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>   |               |                                    |                                      |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu                             |               |                                    |                                      |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành |               |                                    |                                      |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được  |               | 540 432 154 645                    | 689 573 827 834                      |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay   |               | (636 845 459 293)                  | (587 633 515 525)                    |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính  |               |                                    |                                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu   |               | (12 904 000 000)                   | (10 912 000 000)                     |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>  |               | <b>(109 317 304 648)</b>           | <b>91 028 312 309</b>                |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>                                      |               | <b>(42 382 488 008)</b>            | <b>(23 791 004 433)</b>              |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ  |               | 50 071 557 498                     | 73 809 981 246                       |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                    |               | 14 074 988                         | 52 580 685                           |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>                                    | <b>VII.34</b> | <b>7 703 144 478</b>               | <b>50 071 557 498</b>                |

### 6.3. Kiểm toán nội bộ

Nhìn chung trong năm 2014 tuy rất khó khăn trong kinh doanh mặt hàng lương thực nhất là gạo xuất khẩu, do cạnh tranh nên giá cả các mặt hàng gạo cấp thấp giảm mạnh, giá hạt nhựa tăng cao, mặt hàng bao bì do cạnh tranh gay gắt nên số lượng tiêu thụ giảm sút, giá cả trong nước biến động thường xuyên đã làm ảnh hưởng đến giá nguyên liệu đầu vào biến động, đầu ra bị cạnh tranh gay gắt. Nhưng Ban điều hành Công ty đã thể hiện rất tốt vai trò trong lãnh đạo, chỉ đạo, đã lãnh đạo Công ty thực hiện tốt nhiệm vụ trong năm 2014, thực hiện theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cũng như các quy định của Pháp luật, không để phát sinh thêm công nợ khó đòi và kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận năm 2014 đạt 102,42% chỉ tiêu kế hoạch đã được đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua, tạo được việc làm, thu nhập ổn định cho CBCNV, Ban lãnh đạo Công ty đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng trong và ngoài nước để bán ra sản phẩm nhất là ngành hàng bê tông tươi và vật liệu xây dựng đã có doanh thu tăng trưởng rất cao so với năm 2013; ngành cơ khí đã giữ được mức doanh thu khá lớn, có 2 hợp đồng xuất khẩu trực tiếp và đây là ngành có lợi nhuận cao nhất trong năm 2014; mặt hàng mỹ nghệ có doanh thu khá tốt đã góp phần mang lại hiệu quả chung trong năm 2014; mặt hàng gạo xuất khẩu do cạnh tranh giá bán thấp nhưng ban điều hành Công ty đã nỗ lực tìm kiếm khách hàng tiêu thụ nội địa để bù đắp cho mặt hàng gạo xuất khẩu; đây là nỗ lực rất lớn của toàn thể



CBCNV trong toàn Công ty cần được biểu dương.

Về kinh doanh các ngành hàng nhìn chung đều có lãi, trong đó ngành cơ khí chiếm tỷ lệ cao nhất: 42,24%; ngành gạo: 22,47%; ngành bê tông tươi- VLXD : 18,31 %; Mỹ nghệ : 13,69%; ngành bao bì hiệu quả thấp chiếm tỷ lệ dưới 4%.

## VII. Những thông tin khác.

Bên cạnh việc tập trung cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch năm 2014 Công ty luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, như tặng quà cho chị em phụ nữ nhân ngày 8/3, tổ chức tham quan cho chị em phụ nữ nhân ngày 20/10 với tổng số tiền 40,612 triệu đồng, tổ chức thăm hỏi CNVC-LĐ khi ốm đau, gia đình có hữu sự với tổng số tiền 54,17 triệu đồng; xét trợ cấp khó khăn đột xuất cho 04 công nhân lao động bị bệnh hiểm nghèo với số tiền là 3,2 triệu đồng; duy trì 04 suất vay không tính lãi từ “ Quy hỗ trợ người lao động” do CNVLD đóng góp để sửa chữa nhà và cho vay 02 suất vay mới với tổng kinh phí 30 triệu đồng.

Hoạt động xã hội, từ thiện: Vận động CNVLD đóng góp các quỹ từ thiện, khuyến học, quỹ vì người nghèo, đền ơn đáp nghĩa và các hoạt động phúc lợi khác tại địa phương với số tiền 102,48 triệu đồng; vận động đoàn viên, CNVLD hưởng ứng Chương trình “ Nghĩa tình Hoàng Sa - Trường Sa” với tổng số tiền là 45 triệu đồng.

Đoàn thanh niên phối hợp với công đoàn tặng quà thiếu nhi nhân dịp 1/6, tết trung thu với số tiền 36,462 triệu đồng, tặng quà các cháu học giỏi với 2.092 cuốn tập và 13 máy vi tính; tuyên truyền hưởng ứng chiến dịch “ giờ trái đất”; thực hiện nhấn tin ủng hộ chương trình “ Đắp đá Trường Sa”;...Tổ chức cho 01 đoàn viên tham dự liên hoan thanh niên tiên tiến làm theo lời Bác, khối Doanh nghiệp Trung ương tại Hà Nội từ 26 – 28/05/2014; tổ chức hoạt động tuần lễ “ Đền ơn đáp nghĩa” và “ Lễ thấp nển tri ân các anh hùng liệt sĩ” nhân kỷ niệm ngày 27/7...

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2014, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty xin báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và toàn thể cổ đông được biết

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CTY**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*Lê Hoàng Nhữ*